

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 14/11/2021**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Ngọc Ánh	Nữ	26/7/2000	Nghệ An	6.3	8.0	2483/QĐ425/2021	TH002522	
2	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	22/8/1981	Nghệ An	6.7	7.0	2484/QĐ425/2021	TH002524	
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	09/3/1993	Hải Phòng	7.0	8.5	2485/QĐ425/2021	TH002525	
4	Hoàng Thị Hải	Nữ	17/11/1986	Nghệ An	6.7	6.5	2486/QĐ425/2021	TH002526	
5	Trần Thanh Hằng	Nữ	22/6/1992	Hà Tĩnh	6.7	8.0	2487/QĐ425/2021	TH002527	
6	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	15/12/1994	Nghệ An	7.3	7.0	2488/QĐ425/2021	TH002528	
7	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	22/3/1996	Nghệ An	6.7	8.0	2489/QĐ425/2021	TH002529	
8	Hoàng Thị Hương	Nữ	03/02/1976	Nghệ An	5.7	7.5	2490/QĐ425/2021	TH002530	
9	Nguyễn Quang Huy	Nam	16/9/1996	Nghệ An	7.0	9.0	2491/QĐ425/2021	TH002531	
10	Lê Thị Huyền	Nữ	02/3/1997	Hà Tĩnh	7.3	9.0	2492/QĐ425/2021	TH002532	
11	Nguyễn Thị Thanh Kim	Nữ	06/10/1986	Nghệ An	6.7	7.5	2493/QĐ425/2021	TH002533	
12	Hoàng Đăng Lợi	Nam	20/01/1985	Nghệ An	5.7	7.0	2494/QĐ425/2021	TH002534	
13	Dương Thị Khánh Ly	Nữ	08/5/1994	Nghệ An	7.0	9.5	2495/QĐ425/2021	TH002535	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
14	Trần Thị Mai	Nữ	16/02/1995	Nghệ An	6.3	9.0	2496/QĐ425/2021	TH002536	
15	Nguyễn Thị Phương	Nữ	05/11/1997	Nghệ An	6.3	7.5	2497/QĐ425/2021	TH002537	
16	Lê Thanh Thảo	Nữ	04/10/1999	Nghệ An	7.3	8.5	2498/QĐ425/2021	TH002538	
17	Nguyễn Xuân Trầm	Nam	05/9/1970	Nghệ An	5.7	6.5	2499/QĐ425/2021	TH002539	
18	Nguyễn Thị Trang	Nữ	11/9/1997	Hà Tĩnh	7.0	7.5	2500/QĐ425/2021	TH002540	
19	Vi Thùy Trang	Nữ	03/5/1999	Nghệ An	7.0	8.5	2501/QĐ425/2021	TH002541	
20	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	17/5/1999	Nghệ An	8.0	9.0	2502/QĐ425/2021	TH002542	
21	Đào Thị Thu Vân	Nữ	16/01/1984	Nghệ An	6.3	9.0	2503/QĐ425/2021	TH002543	

